

CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT - XUẤT NHẬP KHẨU THANH HÀ

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

Hà Nội, tháng 04 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm 2012 và đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Nguyễn Văn Hợp	Chủ tịch
Bà Bùi Thị Thu Hà	Ủy viên
Bà Nguyễn Kim Hoàng	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Bình	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Vân	Ủy viên

Ban giám đốc

Ông Nguyễn Văn Hợp	Tổng Giám đốc
Ông Bùi thế Huân	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01/02/2012)

Ban Kiểm soát

Bà Trần Thị Minh
Ông Bùi Quang Thắng
Bà Nguyễn Kiều Nhi

Phụ trách kế toán

Ông Đào Ngọc Bình

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG VÀ SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc khẳng định rằng, ngoài các sự kiện nêu trong Thuyết minh 28.1 và 28.2, không có bất cứ sự kiện bất thường hoặc sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán nào có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm.

Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính hợp nhất này hay không; và
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số sách kế toán được ghi phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2013

Số: /2013/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà
cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2012

Kính gửi **Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi tắt là “Công ty”) gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2012 cùng với Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập ngày 28/04/2013, trình bày từ trang 6 đến trang 32 kèm theo, trên cơ sở các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Giám đốc từ trang 2 đến trang 3, Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập các Báo cáo tài chính hợp nhất. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các Thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Giám đốc cũng như đánh giá về việc trình bày các thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Tuy nhiên, công việc kiểm toán của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi một số hạn chế sau:

Hạn chế về phạm vi kiểm toán

Do được bổ nhiệm làm kiểm toán viên sau ngày 31/12/2012 nên chúng tôi không được tham gia chứng kiến kiểm kê hàng tồn kho của Công ty tại ngày 31/12/2012. Do đó, chúng tôi không đưa ý kiến về tính hiện hữu của hàng tồn kho cũng như không đánh giá được tính giá trị của chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ và sự ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục liên quan trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty.

Ý kiến tùy thuộc

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 07 và Thuyết minh số 14, trong năm 2008 Công ty ký 02 hợp đồng với Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) gồm: Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP - THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty đã thực hiện ứng trước trực tiếp tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG số tiền khoảng 15 tỷ đồng và 60% mở LC tại ngân hàng. Tuy nhiên, Công ty SHP Steriltecjnik AG không thực hiện giao hàng. Đến ngày 31/12/2010, LC mở ra để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và hai bên đã không tiếp tục thực hiện hợp đồng này nữa.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP)

Ý kiến tùy thuộc(Tiếp)

Ngoài ra, cũng liên quan đến giao dịch nhập khẩu thiết bị trên Công ty đã ký Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và Hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 với Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tái thiết Đức (Kfw). Theo điều khoản của các hợp đồng này Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã ứng trước cho Công ty 8 tỷ đồng.

Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này Công ty vẫn chưa đòi được tiền từ nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG và Công ty cũng không thực hiện trả lại tiền đặt cọc cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam. Do có dấu hiệu không bình thường giữa các bên tham gia giao dịch này cơ quan công an đã tiến hành thu thập thông tin điều tra. Các trách nhiệm và nghĩa vụ nợ liên quan đến các khoản công nợ nói trên có thể thay đổi tùy thuộc vào sự đàm phán giữa các bên và phán quyết cuối cùng của cơ quan có thẩm quyền. Do đó, chúng tôi không có đủ cơ sở để đánh giá khả năng thu hồi khoản công nợ trả trước cho nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG cũng như nghĩa vụ phải trả đối với khoản công nợ người mua trả tiền trước của Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Như đã nêu tại Thuyết minh số 28.1 & 28.2, Công ty đang trong tình trạng khó khăn về tài chính. Chúng tôi không đánh giá được ảnh hưởng của việc này đến tính hoạt động liên tục của Công ty.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các hạn chế nêu trên, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh một cách trung thực và hợp lý, xét trên những khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà tại ngày 31/12/2012, cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Nguyễn Thị Phương Thảo
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 0933/KTV

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2013

Đặng Thái Thế
Kiểm toán viên

Chứng chỉ KTV số 2033/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		30.490.592.461	52.282.388.891
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	2.210.617.694	7.182.156.195
Tiền	111		2.210.617.694	1.765.729.622
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.416.426.573
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	216.014.400	185.917.400
Đầu tư ngắn hạn	121		453.000.000	453.000.000
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		(236.985.600)	(267.082.600)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		14.754.199.866	22.385.937.646
Phải thu khách hàng	131	6	13.020.558.990	11.385.511.758
Trả trước cho người bán	132	7	111.030.907.021	111.328.159.896
Các khoản phải thu khác	135	8	19.397.432	3.149.689.307
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	6&7	(109.316.663.577)	(103.477.423.315)
Hàng tồn kho	140		12.226.090.638	21.697.076.889
Hàng tồn kho	141	9	12.226.090.638	21.697.076.889
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.083.669.863	831.300.761
Thuế GTGT được khấu trừ	152		674.103.007	551.510.414
Tài sản ngắn hạn khác	158	10	409.566.856	279.790.347
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.250.112.739	33.366.284.616
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Tài sản cố định	220		30.212.136.037	33.326.794.371
Tài sản cố định hữu hình	221	11	22.088.578.214	24.664.610.985
- Nguyên giá	222		35.529.689.203	35.529.689.203
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(13.441.110.989)	(10.865.078.218)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	12	8.123.557.823	8.662.183.386
- Nguyên giá	228		10.475.452.725	10.475.452.725
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.351.894.902)	(1.813.269.339)
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
Bất động sản đầu tư	240		-	-
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000	5.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000	5.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		32.976.702	34.490.245
Chi phí trả trước dài hạn	261		32.976.702	34.490.245
Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG TÀI SẢN	270		60.740.705.200	85.648.673.507

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		182.688.233.268	180.404.501.156
Nợ ngắn hạn	310		182.358.233.268	179.416.257.156
Vay và nợ ngắn hạn	311	13	117.110.119.497	132.122.833.243
Phải trả người bán	312		5.681.493.475	5.656.857.055
Người mua trả tiền trước	313	14	10.361.189.557	10.187.071.896
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314		224.488.801	86.845.670
Phải trả người lao động	315		329.679.665	315.685.718
Chi phí phải trả	316	15	47.068.252.759	29.584.839.962
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	16	560.817.155	434.231.253
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.022.192.359	1.027.892.359
Nợ dài hạn	330		330.000.000	988.244.000
Vay và nợ dài hạn	334	17	330.000.000	770.000.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	218.244.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		(118.261.203.743)	(93.062.398.503)
Vốn chủ sở hữu	410	18	(118.261.203.743)	(93.062.398.503)
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		12.700.000.000	12.700.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.500.000.000	3.500.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	(1.378.485.437)
Quỹ đầu tư phát triển	417		9.268.508.230	9.268.508.230
Quỹ dự phòng tài chính	418		1.568.586.982	1.568.586.982
(Lỗ) lũy kế	420		(145.298.298.954)	(118.721.008.278)
Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		(3.686.324.325)	(1.693.429.146)
TỔNG NGUỒN VỐN	440		60.740.705.200	85.648.673.507

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2012	01/01/2012
Tài sản thuê ngoài			-	9.594.866.911
Ngoại tệ các loại				
- USD			679.841,88	5.064,92
- EURO			238,69	238,09

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2013

Đào Ngọc Bình
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	49.810.584.821	110.603.153.212
Các khoản giảm trừ doanh thu	03	19	-	468.523.440
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	19	49.810.584.821	110.134.629.772
Giá vốn hàng bán	11	20	43.289.883.655	96.966.354.161
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.520.701.166	13.168.275.611
Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	278.519.800	1.110.755.878
Chi phí tài chính	22	22	20.618.087.221	25.099.766.865
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23			24.722.027.545
Chi phí bán hàng	24	23	3.349.130.737	9.302.464.359
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	24	11.864.560.708	61.116.091.411
(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(29.032.557.700)	(81.239.291.146)
Thu nhập khác	31	25	505.618.410	6.066.361.440
Chi phí khác	32	26	71.986.490	3.848.677.104
Lợi nhuận khác	40		433.631.920	2.217.684.336
Tổng (lỗ) kế toán trước thuế	50		(28.598.925.780)	(79.021.606.810)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(28.598.925.780)	(79.021.606.810)
Lợi ích của cổ đông thiểu số	61		(2.021.635.106)	(4.123.124.163)
Lợi ích của cổ đông Công ty	62		(26.577.290.674)	(74.898.482.647)

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2013

Đào Ngọc Bình
Phụ trách kế toán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1		49.777.414.419	118.974.414.880
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2		(41.554.645.998)	(80.693.901.063)
Tiền chi trả cho người lao động	3		(1.785.371.201)	(5.799.395.559)
Tiền chi trả lãi vay	4		(1.434.032.782)	(7.735.372.233)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6		2.541.335.116	11.225.576.692
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7		(635.617.769)	(8.729.289.330)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		6.909.081.785	27.242.033.387
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	2.015.816.800
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		287.231.835	464.219.328
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		287.231.835	2.459.236.128
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		343.149.160	62.153.023.466
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(12.655.840.045)	(85.027.990.508)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(30.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(12.312.690.885)	(22.904.967.042)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(5.116.377.265)	6.796.302.473
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4	7.182.156.195	385.087.307
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		144.838.764	766.415
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4	2.210.617.694	7.182.156.195

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2013

Đào Ngọc Bình
Phụ trách kế toán

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà (sau đây gọi là "Công ty") được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1302/QĐ-UB ngày 18/03/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội với tên gọi ban đầu là Công ty Cổ phần Thanh Hà, hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103007196 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 30/03/2005. Theo Quyết định số 4380/QĐ-UB ngày 23/06/2005 của Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ nhất, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà.

Công ty có trụ sở chính tại số 122 - 123 tầng 1, nhà M2, Láng Trung, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Sau khi chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước thành công ty cổ phần, vốn điều lệ của Công ty là 5,7 tỷ đồng, chia thành 57.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 100.000 đồng, trong đó, phần vốn Nhà nước chiếm 30%.

Trong năm 2007, Công ty đăng ký với Ủy ban chứng khoán về việc trở thành công ty đại chúng và hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ hai ngày 15/05/2007, với số vốn điều lệ là 12.700.000.000 đồng, chia thành 1.270.000 cổ phần phổ thông, mệnh giá mỗi cổ phần là 10.000 đồng. Trong đó:

- Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội - HAPROSIMEX (là đại diện sở hữu vốn Nhà nước) nắm giữ 342.000 cổ phần, chiếm 26,93% vốn điều lệ của Công ty;
- Các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc nắm giữ 232.260 cổ phần, chiếm 18,28% vốn điều lệ của Công ty;
- Các cổ đông khác nắm giữ 695.740 cổ phần, chiếm 54,79% vốn điều lệ của Công ty.

1.2 CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà đầu tư vào công ty con, nắm quyền kiểm soát công ty này trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động. Cơ cấu tổ chức hoạt động của Công ty theo mô hình Công ty mẹ - con do Công ty Cổ phần Sản xuất Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữ vai trò là Công ty mẹ.

Tại ngày 31/12/2012, Công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty là:

	Tại ngày 31/12/2012	Vốn điều lệ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
	VND	VND	(%)	(%)
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Thanh Hà	2.907.000.000	5.700.000.000	51%	51%

Địa chỉ: Đường 206, Khu công nghiệp
Phố Nội A, Văn Lâm, Hưng Yên
Cộng

2.907.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.3 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

Các hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty mẹ và Công ty con theo Giấy Đăng ký kinh doanh bao gồm:

- Sản xuất, chế biến và buôn bán các mặt hàng như: may mặc, dệt may, hàng công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, nông, lâm, hải sản, dược liệu, khoáng sản phục vụ cho nhu cầu xuất khẩu và tiêu dùng trong nước;
- Mua bán lương thực, thực phẩm phục vụ cho nhu cầu sản xuất;
- Mua bán, sản xuất trang thiết bị y tế;
- Buôn bán các mặt hàng mỹ phẩm;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hoá;
- Đại diện thương mại;
- Kinh doanh giao nhận, vận chuyển hàng hoá;
- Kinh doanh nhà hàng, cho thuê nhà xưởng, kho bãi.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Dưới đây là các chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

2.1 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty mẹ và Công ty con, các giao dịch và số dư nội bộ giữa Công ty mẹ và Công ty con đã được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất này.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất:

3.1 CÁC THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2012 được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được áp dụng để lập Báo cáo tài chính năm 2011, ngoại trừ chính sách kế toán về ngoại tệ trình bày tại Thuyết minh 3.11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ; chính sách kế toán về Dự phòng trợ cấp thôi việc trình bày tại Thuyết minh 3.13 và việc áp dụng Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 trình bày tại Thuyết minh 3.15.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư được gọi là có tính thanh khoản cao khi thời gian thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

3.4 ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

Các khoản đầu tư ngắn hạn bao gồm các khoản đầu tư vào cổ phiếu và các khoản đầu tư khác. Các khoản đầu tư ngắn hạn được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán và các khoản đầu tư khác.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán đã được tự do mua bán trên thị trường được lập theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2010/TT-BTC ngày 07/12/2010 của Bộ Tài chính. Công ty sử dụng giá tham khảo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại thời điểm kết thúc năm tài chính để làm cơ sở trích lập dự phòng.

3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU VÀ DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của Công ty được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng khoản phải thu khó đòi cho những khoản phải thu quá hạn thanh toán từ 6 tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán hay các khó khăn tương tự.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung hoặc chi phí liên quan khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá vốn hàng bán của hầu hết các mặt hàng kinh doanh như: chè, quế, hạt tiêu và các mặt hàng khác được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền, riêng giá vốn của mặt hàng cà phê được xác định theo phương pháp đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất...) của hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ kế toán.

3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH VÀ HAO MÒN

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tỷ lệ khấu hao được xác định theo phương pháp đường thẳng, căn cứ vào thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian sử dụng của tài sản ước tính như sau:

Loại tài sản	Số năm sử dụng
Nhà cửa, vật kiến trúc	10
Máy móc, thiết bị	10
Phương tiện vận tải	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	5 - 20

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH VÀ HAO MÒN

Quyền sử dụng đất

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình là giá trị thương hiệu “Thanh Hà” và “Haforexim” được xác định trong quá trình đánh giá lại giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi từ doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần đã được các cơ quan chức năng phê duyệt. Giá trị thương hiệu được khấu hao trong thời gian 10 năm.

Đối với tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất có thời hạn là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp đến đất sử dụng bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí đền bù, giải phóng và san lấp mặt bằng. Giá trị quyền sử dụng đất được khấu hao trong 20 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.9 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời gian sử dụng trên một năm.

- Đối với các khoản chi phí chờ phân bổ thời hạn phân bổ chi phí phù hợp với thời gian tham gia thực tế vào quá trình kinh doanh và tạo ra doanh thu.
 - Đối với giá trị công cụ, dụng cụ phân bổ dần, thời gian phân bổ chi phí là 2 năm.

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ là các chi phí chuyển quyền sử dụng đất của kho Bình Dương và chi phí sơn tường nhà xưởng tại Hưng Yên.

3.10 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng, chuyển quyền sở hữu cho người mua.

Riêng với mặt hàng cà phê nhân xuất khẩu ra thị trường thế giới, theo tập quán thương mại quốc tế và theo phương thức thỏa thuận trong hợp đồng ký với khách hàng, giá mua bán là giá giao dịch của mặt hàng này khớp lệnh trên sàn giao dịch cà phê Luân-đôn tại một thời điểm xác định. Doanh thu được ghi nhận như sau:

- Khi xuất hàng bán, Công ty tạm ghi nhận doanh thu và giá vốn để xác định kết quả kinh doanh là bằng nhau và bằng 50% - 70% giá vốn của lô hàng.
- Khi giao dịch khớp lệnh, Công ty ghi nhận tiếp doanh thu còn lại trên cơ sở Doanh thu thực tế theo giá khớp lệnh trừ đi (-) số đã tạm ghi nhận trước đây, đồng thời ghi nhận nốt phần còn lại giá vốn của lô hàng.

3.11 NGUYÊN TẮC CHUYỂN ĐỔI NGOẠI TỆ

Công ty áp dụng Thông tư 179/2012/TT-BTC do Bộ tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”) qui định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp thay thế cho Thông tư số 201/2009/TT-BTC ngày 15/10/2009 về việc hướng dẫn xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo quy định tại Thông tư này, việc xử lý chênh lệch tỷ giá được thực hiện như sau:

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá giao dịch tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh.

Đối với việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ kế toán thì thực hiện theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ không được sử dụng để chia lợi nhuận cho cổ đông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.12 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

3.13 DỰ PHÒNG TRỢ CẤP THÔI VIỆC

Từ năm 2011 trở về trước, Công ty áp dụng Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/8/2003 của Bộ Tài chính hướng dẫn trích lập, quản lý, sử dụng và hạch toán Quỹ trợ cấp mất việc làm tại doanh nghiệp, Công ty thực hiện trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 1% - 3% trên quỹ tiền lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của Công ty để chi trợ cấp thôi việc, mất việc làm. Năm 2012, Công ty áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 của Bộ tài chính hướng dẫn xử lý tài chính về chi trợ cấp mất việc làm cho người lao động tại doanh nghiệp, thay thế Thông tư 82 trên đây. Theo quy định của Thông tư này, Công ty không được trích quỹ nữa và ghi nhận chi phí theo thực tế phát sinh. Nếu khi lập báo cáo tài chính năm 2012, quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm của Công ty còn số dư, Công ty hạch toán tăng thu nhập khác năm 2012 của Công ty, Công ty không được chuyển số dư Quỹ sang năm sau sử dụng. Do vậy, Công ty không còn số dư phải trả liên quan trên Báo cáo tài chính năm 2012.

Các quy định trên có sự khác biệt với Chuẩn mực kế toán số 18 về các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng. Theo quy định của Luật lao động Việt Nam, người lao động làm việc tại Công ty được hưởng trợ cấp thôi việc là ½ tháng lương cho mỗi năm làm việc và được trả khi thôi việc tại Công ty theo mức lương bình quân 6 tháng trước khi thôi việc. Do đã thực chính sách bảo hiểm thất nghiệp nên Công ty chỉ phải thanh toán trợ cấp thôi việc cho số năm làm việc tính đến hết ngày 31/12/2008. Nếu áp dụng chuẩn mực kế toán Việt Nam số 18, Công ty cần thực hiện trích lập dự phòng phải trả đến ngày 31/12/2012 số tiền ước tính là 253.232.600VND.

3.14 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp (nếu có) thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 25% tính trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.15 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và dài hạn khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả phải nộp khác và các khoản vay ngắn hạn, dài hạn.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ cho nhau trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận và Công ty có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

3.16 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan của Công ty bao gồm các thành viên trong Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	2.309.998	46.990.084
Tiền gửi ngân hàng	2.208.307.696	1.718.739.538
Các khoản tương đương tiền	-	5.416.426.573
	2.210.617.694	7.182.156.195

5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	453.000.000	453.000.000
Tổng	453.000.000	453.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(236.985.600)	(267.082.600)
Giá trị thuần của các khoản đầu tư	216.014.400	185.917.400

6 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải thu khách hàng nước ngoài	2.708.572.690	220.142.040
Phải thu khách hàng nội địa	10.311.986.300	11.165.369.718
	13.020.558.990	11.385.511.758
Dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng nước ngoài	-	-
Dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng nội địa	(6.044.395.666)	(4.645.123.844)
+ Công ty Thiết bị phụ tùng TMT	(286.822.926)	(306.822.926)
+ Công ty TNHH Tân Phú	(5.757.572.740)	(4.338.300.918)
	(6.044.395.666)	(4.645.123.844)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Trả trước cho nhà cung cấp nước ngoài (*)	15.048.543.824	15.048.543.824
Trả trước cho nhà cung cấp nội địa (**)	95.982.363.197	96.279.616.072
	111.030.907.021	111.328.159.896
Dự phòng phải thu khó đòi của nhà cung cấp nước ngoài (*)	(7.524.271.912)	(4.514.563.147)
Dự phòng phải thu khó đòi của nhà cung cấp nội địa (**)	(95.747.995.999)	(94.317.736.324)
1. Công ty Cổ Phần Xanh Cà Phê	(8.722.093.820)	(8.722.093.820)
2. Công ty Cổ phần XNK Công Chính	(80.857.705.426)	(80.857.705.426)
3. Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng	(3.518.602.782)	(2.463.021.947)
4. Cơ Sở Mua Bán Nông Sản Anh Minh	(1.762.262.800)	(1.387.583.960)
5. Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt	(887.331.171)	(887.331.171)
	(103.272.267.911)	(98.832.299.471)

(*): Đây là số dư khoản ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG (Gustav-Ricker-Phố 62, D-39120 Magdeburg/Đức) theo 02 hợp đồng: Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/01/08 ngày 10/04/2008 và Hợp đồng bán hàng số SHP – THANHHA/02/08 ngày 10/04/2008 về việc cung cấp các thiết bị y tế và dịch vụ đi kèm. Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà đã thực hiện ứng trước tiền hàng cho Công ty SHP Steriltecjnik AG theo các điều khoản thanh toán của Hợp đồng. Tuy nhiên, trong quá trình đàm phán thực hiện hợp đồng, hai bên vẫn chưa kết thúc việc giao hàng; đến ngày 31/12/2010, LC mở để thực hiện hợp đồng này đã hết hạn và việc thực hiện hợp đồng đã dừng lại. Công ty đang liên hệ với nhà cung cấp nước ngoài và các cơ quan ban ngành có liên quan nhằm thu hồi lại khoản ứng trước này. Tuy nhiên, đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này việc thu hồi công nợ vẫn chưa thực hiện được. Tại ngày 31/12/2012, Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng cho khoản công nợ này theo thời hạn quá hạn của L/C với tỷ lệ trích lập là 30% giá trị khoản công nợ.

(**):

1. **Công ty Cổ phần Xanh Cà Phê:** Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào Quyết định của Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai số 118/2011/QĐ-TLTS ngày 15/09/2011, về việc mở thủ tục thanh lý với Công ty CP Xanh Cà Phê (căn cứ vào Quyết định mở thủ tục phá sản số 33A/2011/QĐ-MTTPS ngày 13/05/2011). Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2012, chưa có quyết định chính thức về việc số tiền thực tế Công ty CP Sản xuất – XNK Thanh Hà sẽ được thanh toán là bao nhiêu và do đó khả năng thu hồi công nợ cũng chưa được xác định chắc chắn về mặt giá trị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN (TIẾP)

2. **Công ty Cổ phần XNK Công Chính:** Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào “Biên bản hòa giải thành lập ngày 14/10/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án KDTM thụ lý số: 03/2011/TLST-KDTM ngày 03/10/2011”, Tòa án Nhân dân Thành phố Lâm Đồng đã ra “Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các Đương sự số 63/2011/QĐST-KDTM ngày 24/10/2011” với thỏa thuận như sau: Công ty CP Xuất nhập khẩu Công Chính có trách nhiệm trả cho Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà tổng số tiền là: 100.997.137.703 đồng (bao gồm: tiền mua hàng là 80.857.705.426 đồng, tiền lãi là 12.053.661.735 đồng, tiền phạt là 8.085.770.542 đồng). Đến thời điểm Công ty lập Báo cáo tài chính này, vẫn chưa có quyết định của Tòa án về việc mở thủ tục thanh lý và thanh toán khoản công nợ của Công ty CP XNK Công Chính cho các chủ nợ.
3. **Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh:** Công ty đã thực hiện khởi kiện Công ty TNHH DV Hàng Hải & TM Hoàng Minh lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và đã nhận được Thông báo nộp tiền tạm ứng án phí, Giấy mời của Tòa án Nhân dân Quận 1 - TP Hồ Chí Minh ngày 23/11/2011 về vụ án kinh doanh thương mại với Công ty Hoàng Minh. Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, vẫn chưa có kết quả cuối cùng của Tòa án về việc giải quyết vụ án này.
4. **Cơ sở Mua bán Nông sản Anh Minh:** Công nợ này đã tồn tại hơn một năm và đến nay Công ty cũng chưa có các biện pháp để thu hồi công nợ.
5. **Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt:** Việc trích lập dự phòng phải thu khó đòi căn cứ vào Biên bản hòa giải thành lập ngày 01/08/2011 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 18/2011/TLST-KDTM ngày 15/06/2011; Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự của Tòa án Nhân dân huyện Xuân Lộc – Tỉnh Đồng Nai ngày 09/08/2011. Theo Quyết định này, ông Lê Thao – chủ Doanh nghiệp Tư nhân Phát Đạt và bà Trương Thị Hương liên đới thanh toán cho Công ty Cổ phần Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà số tiền 1.064.131.907 đồng; đồng thời kể từ ngày bản án có hiệu lực chịu lãi chậm trả hàng tháng theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước quy định tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành án.

8 CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Ứng trước tiền theo thỏa thuận với công ty mua bán nợ (*)	-	3.000.000.000
Phải thu khác	19.397.432	149.689.307
	19.397.432	3.149.689.307

(*): Số dư đầu kỳ là khoản ứng trước cho Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp - Bộ Tài chính (DATC) theo Biên bản làm việc về thỏa thuận các nội dung chính của phương án xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữa các bên ngày 10/12/2011 và Biên bản thỏa thuận về mua nợ tồn đọng của ViettinBank Ba Đình tại Công ty CP Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà ngày 14/12/2011. Trong năm 2012, khoản này đã được chuyển như khoản trả nợ cho DATC theo các Biên bản làm việc và xác nhận công nợ giữa các bên.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Hàng mua đang đi trên đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	1.290.420.041	1.730.535.149
Công cụ, dụng cụ	19.190.700	16.690.700
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.915.674.232	2.717.261.329
Thành phẩm	6.130.378.962	10.607.930.979
Hàng hoá	2.870.426.703	6.624.658.732
Cộng giá trị gốc của hàng tồn kho	12.226.090.638	21.697.076.889

10 TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	409.566.856	279.790.347
	409.566.856	279.790.347

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2012	22.768.649.449	7.316.859.089	3.234.857.130	324.128.362	1.885.195.173	35.529.689.203
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-	-
31/12/2012	22.768.649.449	7.316.859.089	3.234.857.130	324.128.362	1.885.195.173	35.529.689.203
HAO MÒN LŨY KẾ						
01/01/2012	(5.668.771.003)	(2.591.751.416)	(1.444.107.346)	(285.072.226)	(875.376.227)	(10.865.078.218)
- Khấu hao trong năm	(1.471.179.461)	(683.541.839)	(278.608.627)	(9.721.895)	(132.980.949)	(2.576.032.771)
31/12/2012	(7.139.950.464)	(3.275.293.255)	(1.722.715.973)	(294.794.120)	(1.008.357.177)	(13.441.110.989)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2012	17.099.878.446	4.725.107.673	1.790.749.784	39.056.136	1.009.818.946	24.664.610.985
31/12/2012	15.628.698.985	4.041.565.834	1.512.141.157	29.334.242	876.837.996	22.088.578.214

Tổng nguyên giá TSCĐ hữu hình đang thế chấp tại ngân hàng là: 14.942.373.300 đồng để đảm bảo cho các khoản tiền vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam, Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương và Ngân hàng Habubank – Chi nhánh Hưng Yên; giá trị còn lại tương ứng của các tài sản này là 12.384.826.529 đồng.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.767.023.950 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

11 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất <u>VND</u>	TSCĐ vô hình khác <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ			
01/01/2012	10.178.394.192	297.058.533	10.475.452.725
- Mua trong năm	-	-	-
31/12/2012	10.178.394.192	297.058.533	10.475.452.725
GIÁ TRỊ HAO MÒN			
01/01/2012	(1.642.460.684)	(170.808.655)	(1.813.269.339)
- Khấu hao trong năm	(508.919.710)	(29.705.853)	(538.625.563)
31/12/2012	(2.151.380.394)	(200.514.508)	(2.351.894.902)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
01/01/2012	8.535.933.508	126.249.878	8.662.183.386
31/12/2012	8.027.013.798	96.544.025	8.123.557.823

(*) Số dư Tài sản cố định vô hình cuối kỳ bao gồm giá trị quyền sử dụng đất Kho Gia Kiệm. Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất này với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là khoảng 6.267.025.913 đồng (và nguyên giá tương ứng là 7.266.117.000 đồng) để đảm bảo cho khoản tiền vay của Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp.

13 VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	31/12/2012 <u>VND</u>	01/01/2012 <u>VND</u>
Vay ngắn hạn	116.450.119.497	131.682.833.243
Vay Ngân hàng và các tổ chức tín dụng	113.834.939.307	129.096.653.053
+ Ngân hàng Công thương Ba Đình	-	51.861.541.000
+ Ngân hàng TM CP nhà Hà Nội	28.098.910.619	28.127.549.393
+ Sở GD Ngân hàng NN&PTNT VN	21.032.322.805	21.146.267.892
+ Ngân hàng Habubank (Hưng Yên)	19.842.164.883	27.961.294.768
+ Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp	44.861.541.000	-
Vay các cá nhân	2.615.180.190	2.586.180.190
Vay dài hạn đến hạn trả	660.000.000	440.000.000
	117.110.119.497	132.122.833.243

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

14 NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Khách hàng nước ngoài ứng tiền trước	-	
Khách hàng nội địa ứng tiền trước	10.361.189.557	10.187.071.896
	10.361.189.557	10.187.071.896

Trong số dư người mua trả tiền trước bao gồm: 8.239.233.111 đồng là số dư trả tiền trước của Công ty Cổ phần Thương mại Công nghệ Vật tư Khoa học Kỹ thuật và Công trình (nay là Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam) theo hai hợp đồng kinh tế: Hợp đồng kinh tế số 088 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 và Hợp đồng kinh tế số 089 TST-THC-MOBILAB2008/HDKT ngày 02/04/2008 về việc cung cấp 02 hệ thống xét nghiệm di động & 02 hệ thống khử khuẩn cho Bộ Y tế Việt Nam sử dụng nguồn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Đức thông qua Ngân hàng Tài thiết Đức (Kfw).

Đến thời điểm lập Báo cáo tài chính này, việc nhập hàng đã bị dừng lại (với nhà cung cấp SHP Steriltecjnik AG – chi tiết tại **Thuyết minh số 7**), do đó cũng chưa giao được hàng cho Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam.

Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam đã có công văn yêu cầu đơn phương chấm dứt hai hợp đồng nói trên với Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà. Tuy nhiên, nghĩa vụ trả nợ giữa Công ty Cổ phần Sản xuất – Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Công ty Cổ phần TST Engineering Vietnam vẫn đang được cơ quan có thẩm quyền tiến hành điều tra và chưa có phán quyết cuối cùng.

15 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	46.735.214.428	28.875.411.286
+ Ngân hàng Công thương Ba Đình	-	15.654.525.780
+ Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội	14.782.644.134	8.884.643.482
+ Sở GD Ngân hàng NN&PTNT VN	6.829.499.833	4.272.526.763
+ Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp	23.330.299.840	-
+ Ngân hàng Habubank (Hung Yên)	1.792.770.621	63.715.261
Chi phí giám định cà phê xuất khẩu	-	-
Chi phí gia công thuê ngoài	-	258.656.104
Chi phí nhân công	-	118.556.613
Chi phí phải trả khác	333.038.331	332.215.959
	47.068.252.759	29.584.839.962

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

16 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	59.606.245	44.416.691
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	135.163.260	27.653.281
Các khoản phải trả, phải nộp khác	366.047.650	362.161.281
	560.817.155	434.231.253

17 VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Vay dài hạn	330.000.000	1.210.000.000
Vay dài hạn Habubank theo hợp đồng vay số 227.SGDHN.HBB-TDH/2009 ngày 12/08/2009. Hạn mức vay 2,2 tỷ đồng, lãi suất 10,5%/năm và Công ty được hưởng hỗ trợ lãi suất là 4%/năm, thời hạn vay 5 năm. Mục đích vay mua máy tách màu quang học phục vụ cho sản xuất chè. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay, theo Hợp đồng thế chấp ngày 18/09/2009, tài sản thế chấp là: “Máy tách màu quang học Senvec GTS 1200B và phụ kiện đồng bộ”, giá trị còn lại của tài sản thế chấp là: 2,2 tỷ đồng.	330.000.000	1.210.000.000
Nợ dài hạn	-	-
Tổng số dư vay và nợ dài hạn	330.000.000	1.210.000.000
Kế hoạch trả nợ gốc trong vòng 12 tháng	-	440.000.000
<i>Ngân hàng Habubank</i>	-	440.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	440.000.000
Vay và nợ dài hạn	330.000.000	770.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế/ (Lỗ lũy kế) chưa phân phối	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
01/01/2011	12.700.000.000	3.500.000.000	(592.853.108)	9.268.508.230	1.568.586.982	(43.792.525.632)	(17.348.283.528)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(74.898.482.647)	(74.898.482.647)
- Chi trả cổ tức	-	-	-	-	-	(30.000.000)	(30.000.000)
- (Tăng)/Giảm khác	-	-	(785.632.328)	-	-	-	(785.632.328)
31/12/2011	12.700.000.000	3.500.000.000	(1.378.485.437)	9.268.508.230	1.568.586.982	(118.721.008.278)	(93.062.398.503)
01/01/2012	12.700.000.000	3.500.000.000	(1.378.485.437)	9.268.508.230	1.568.586.982	(118.721.008.278)	(93.062.398.503)
- Lỗ trong năm	-	-	-	-	-	(26.577.290.674)	(26.577.290.674)
- (Tăng)/Giảm khác	-	-	1.378.485.437	-	-	-	1.378.485.437
31/12/2012	12.700.000.000	3.500.000.000	(0)	9.268.508.230	1.568.586.982	(145.298.298.954)	(118.261.203.743)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

18 VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

18.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

	<u>Tại ngày 31/12/2012</u>		<u>Tại ngày 01/01/2012</u>	
	Số cổ phần CP phổ thông	Tỷ lệ	Số cổ phần CP phổ thông	Tỷ lệ
Cổ đông lớn	574.260	45,22%	574.260	45,22%
Công ty Sản xuất Xuất nhập khẩu tổng hợp Hà Nội(HAPROSIMEX) - do Ông Vũ Văn Hải làm đại diện	342.000	26,93%	342.000	26,93%
Ông Nguyễn Văn Hợp - Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc	133.600	10,52%	133.600	10,52%
Bà Bùi Thị Thu Hà - Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	41.260	3,25%	41.260	3,25%
Bà Nguyễn Thị Bình - Ủy viên HĐQT	37.400	2,94%	37.400	2,94%
Ông Trương Xuân Bình - Ủy viên HĐQT	20.000	1,57%	20.000	1,57%
Các cổ đông khác	695.740	54,78%	695.740	54,78%
Các cổ đông là nhân viên trong Công ty	430.700	33,91%	430.700	33,91%
Các cổ đông bên ngoài Công ty	265.040	20,87%	265.040	20,87%
Tổng cộng	1.270.000	100,00%	1.270.000	100,00%

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành của Công ty là 10.000 đồng/Cổ phiếu. Tổng vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh là 12.700.000.000 đồng.

19 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.810.584.821	110.603.153.212
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	(468.523.440)
- Giảm giá hàng bán	-	(468.523.440)
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	49.810.584.821	110.134.629.772

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa đã bán	38.434.050.973	71.739.548.108
Giá vốn thành phẩm, bán thành phẩm đã bán	4.855.832.682	25.226.806.053
	43.289.883.655	96.966.354.161

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	409.992	608.029.662
Lãi ứng trước tiền hàng	-	495.071.216
Cổ tức được chia	-	7.575.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	255.846.637	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	22.263.171	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	80.000
	278.519.800	1.110.755.878

22 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí lãi vay	19.297.887.261	24.722.027.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	47.269.962	366.080.870
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.303.026.998	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	(30.097.000)	11.658.450
	20.618.087.221	25.099.766.865

23 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên bán hàng	75.570.599	365.216.947
Chi phí vận chuyển	2.035.841.920	184.544.890
Chi phí nghiệp vụ kho Hưng Yên	66.141.318	525.165.445
Chi phí vật liệu, bao bì, vật tư bán hàng	122.882.597	2.122.129.069
Phí ngân hàng	164.110.733	51.783.137
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	-	82.054.213
Chi phí dịch vụ mua ngoài	748.965.859	70.245.666
Chi phí bằng tiền khác	135.617.711	5.901.324.992
	3.349.130.737	9.302.464.359

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.474.976.876	3.428.735.938
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	7.755.909
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.116.171.877	2.349.607.509
Thuế phí, lệ phí	5.000.000	39.711.951
Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	5.839.240.262	54.292.253.578
Chi phí dịch vụ mua ngoài	60.959.105	112.988.652
Chi phí bằng tiền khác	1.368.212.589	885.037.874
	11.864.560.708	61.116.091.411

25 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ	285.000.000	3.105.288.000
Thu nhập từ tiền phạt hàng trả lại	-	468.508.140
Công nợ xác định không phải trả nhà cung cấp,	-	1.110.069.095
Các khoản thu nhập khác	220.618.410	1.382.496.205
	505.618.410	6.066.361.440

27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ đã trình bày tại Bảng cân đối kế toán, phần vốn thuộc sở hữu của cổ đông Công ty bao gồm vốn góp, quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp kế toán mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu được trình bày tại Thuyết minh số 3.15.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.210.617.694	7.182.156.195
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	216.014.400	185.917.400
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.754.199.866	22.385.937.646
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000	5.000.000
	17.185.831.960	29.759.011.241
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	117.440.119.497	132.892.833.243
Phải trả người bán	5.681.493.475	5.656.857.055
Chi phí phải trả	47.068.252.759	29.584.839.962
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	366.047.650	362.161.281
	170.555.913.381	168.496.691.541
Trạng thái ròng	(153.370.081.421)	(138.737.680.300)

Tại ngày 31/12/2012 Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và Nợ phải trả tài chính do Thông tư 210 cũng như các qui định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc này. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và Thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả giá trị hợp lý nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và vận hành các chính sách nhằm kiểm soát rủi ro (phát hiện, ngăn ngừa và hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro).

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá, lãi suất, giá hàng hóa và rủi ro về giá khác như giá cổ phần. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)***Quản lý rủi ro tỷ giá***

Công ty thực hiện một số giao dịch có gốc ngoại tệ là đồng Đô la Mỹ (USD) do đó Công ty sẽ chịu rủi ro khi có sự biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết với Công ty Mua, Bán nợ và Tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội, Sở giao dịch Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Quản lý rủi ro về giá hàng hóa

Công ty có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch kinh doanh và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư ngắn hạn cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Công ty quản lý rủi ro về giá bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Hội đồng quản trị của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư cổ phiếu đồng thời thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với các mã chứng khoán có giá thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ.

Một số khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà vì mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này nên rủi ro về giá là thấp.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các khoản nợ phải trả tài chính theo thời hạn thanh toán. Số liệu trình bày trên cơ sở dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính theo ngày sớm nhất mà tập đoàn phải trả, bao gồm các khoản gốc và tiền lãi (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)**

	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Tổng
	VND	VND	VND
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.210.617.694	-	2.210.617.694
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	216.014.400	-	216.014.400
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.754.199.866	-	14.754.199.866
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000	-	5.000.000
	17.185.831.960	-	17.185.831.960
01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.182.156.195	-	7.182.156.195
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	185.917.400	-	185.917.400
Các khoản phải thu ngắn hạn	22.385.937.646	-	22.385.937.646
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000	-	5.000.000
	29.759.011.241	-	29.759.011.241

Ban Giám đốc đánh giá mức độ tập trung rủi ro thanh khoản ở mức cao. Ban Giám đốc Công ty đang nỗ lực để tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Quản lý rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty quản lý rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn và các công cụ tài chính khác. Các khoản tiền gửi ngân hàng được quản lý tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Đối với các khoản đầu tư, Công ty không đầu tư mới trong năm. Đối với các khoản phải thu (bao gồm: phải thu khách hàng và trả trước cho người bán) đều có rủi ro cao và Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đầy đủ đồng thời vẫn tiếp tục nỗ lực để thu hồi công nợ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***27 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Quản lý rủi ro tín dụng (Tiếp)**

	Tổng cộng (Giá trị ghi sổ)		Không quá hạn	
	VND	VND	VND	VND
		Bị suy giảm giá trị	Không bị suy giảm giá trị	Tổng
31/12/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.210.617.694	-	2.210.617.694	2.210.617.694
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	453.000.000	236.985.600	216.014.400	453.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	124.070.863.443	109.316.663.577	14.754.199.866	124.070.863.443
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	5.000.000
	126.739.481.137	109.553.649.177	17.185.831.960	126.739.481.137
01/01/2012				
Tiền và các khoản tương đương tiền	7.182.156.195	-	6.841.780.593	6.841.780.593
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	453.000.000	267.082.600	185.917.400	453.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	125.863.360.961	103.477.423.315	22.385.937.646	125.863.360.961
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	5.000.000	-	5.000.000	5.000.000
	133.503.517.156	103.744.505.915	29.418.635.639	133.163.141.554

28 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**28.1 TÍNH HOẠT ĐỘNG LIÊN TỤC**

Tính đến ngày 31/12/2012, tổng công nợ ngắn hạn là 182.358.233.268 đồng, tổng tài sản ngắn hạn là 30.490.592.461 đồng; tổng công nợ dài hạn là 330.000.000 đồng, tổng tài sản dài hạn là 30.250.112.739 đồng; lỗ lũy kế tính đến ngày 31/12/2012 là 145.298.298.954 đồng, vốn chủ sở hữu và các quỹ là 27.037.095.212 đồng. Tuy nhiên, lỗ lũy kế xuất phát từ sự thận trọng của Ban Giám đốc khi trích lập dự phòng công nợ phải thu khó đòi với số tiền lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2012 là 109.316.663.577 đồng, trích trước chi phí lãi vay phải trả ngân hàng lũy kế đến 31 tháng 12 năm 2012 với số tiền 46.735.214.428 đồng. Với tình hình tài chính như trên, nếu xét theo điều kiện bình thường thì Công ty khó có khả năng tiếp tục hoạt động, trừ khi có huy động thêm vốn từ các cổ đông hoặc chuyển đổi cơ cấu nợ cho các đối tác có liên quan một cách hợp lý. Tuy nhiên Ban Giám đốc Công ty vẫn đang nỗ lực để đảm bảo Công ty vẫn hoạt động bình thường và tin tưởng điều này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

28 NHỮNG THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)**28.2 SỰ KIỆN QUAN TRỌNG**

Tháng 12 năm 2011, Công ty đã làm việc với Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp - Bộ Tài chính (DATC) và Công ty Cổ phần tập đoàn Intimex về việc xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty.

Theo Biên bản làm việc về thỏa thuận các nội dung chính của phương án xử lý nợ, tái cơ cấu tài chính cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà giữa các bên ngày 10/12/2011, DATC sẽ triển khai việc đàm phán và mua lại các khoản nợ của Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà với Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Ba Đình và Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam. Trên cơ sở kết quả đạt được về việc mua nợ tồn đọng của các Ngân hàng, DATC sẽ xem xét giảm trừ trách nhiệm trả nợ theo quy định hiện hành (dự kiến mức tối đa khoảng 50.000 triệu đồng) cho Công ty CP Sản xuất - Xuất nhập khẩu Thanh Hà, giúp Công ty lành mạnh hóa tình hình tài chính để phát triển sản xuất kinh doanh.

Theo Biên bản Xác nhận, chuyển giao nợ và nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP Công thương - Chi nhánh Ba Đình; Công ty Mua, bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp và Công ty ngày 10/05/2012: toàn bộ phần dư nợ vay và hồ sơ khoản nợ vay (bản gốc) của Công ty với Ngân hàng TMCP Công thương – Chi nhánh Ba Đình (bao gồm gốc vay là 51.861.541.000 đồng và lãi vay là 18.982.307.994,68 đồng) được chuyển đổi sang chủ nợ là Công ty Mua, Bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp.

Theo Biên bản đối chiếu và xác nhận công nợ ngày 15/01/2013, số dư Công ty phải trả cho Công ty Mua, Bán nợ và tài sản tồn đọng của Doanh nghiệp đến thời điểm 31/12/2012 là: 68.191.840.840 đồng bao gồm: dư nợ gốc là 44.861.541.000 đồng và dư nợ lãi là 23.330.299.840 đồng.

28.3 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính 2011 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Nguyễn Văn Hợp
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 04 năm 2013

Đào Ngọc Bình
Phụ trách kế toán

Filename: BCTC HOP NHAT Thanh Ha 2012
Directory: E:\1. Client\7. 2012\12. THANH HA 2012\4. REPORT
Template: C:\Users\hienpt\AppData\Roaming\Microsoft\Templates\Normal.dotm
Title: Tæng c«ng ty hµng kh«ng ViÖt Nam
Subject:
Author: OPEY A.
Keywords:
Comments:
Creation Date: 3/30/2011 12:04:00 AM
Change Number: 2.395
Last Saved On: 5/27/2013 11:05:00 AM
Last Saved By: Hien Pham Thi
Total Editing Time: 3.753 Minutes
Last Printed On: 5/27/2013 2:33:00 PM
As of Last Complete Printing
Number of Pages: 33
Number of Words: 7.214 (approx.)
Number of Characters: 41.124 (approx.)